

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 297/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/11/2024

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly

2. Ông Võ Lâm Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 576/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 923/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1982 (Có mặt);

Địa chỉ: tổ 09, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh A.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 01, ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T trình bày, Vợ chồng bà tự tìm hiểu đi đến kết hôn năm 1997, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Khi chung sống vợ chồng cưới nhau về chung sống tại nhà bà T. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chồng không lo làm, không lo cho vợ con, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung năm 2022 cho

đến nay. Nay thấy tình cảm không còn bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Trường V1, sinh ngày 31/7/1998 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Nguyễn Thanh V trình bày, ông và bà Phạm Thị Thu T chung sống 1997 có tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự tìm hiểu, nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 2020 mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng khi làm tại Bình Dương từ năm 2010 đến năm 2020 thì bất đồng quan điểm sống, ông về quê tại nhà Nhơn Mỹ, vợ con vẫn còn làm ở Bình Dương đến năm 2022 thì vợ con về Châu Thành ở cho đến nay, ông có đến gặp thăm vợ con, nhưng vợ yêu cầu ông không tới lui nữa, nên vợ chồng không còn qua lại và hàn gắn. Vợ chồng không còn chung sống 2020 cho đến nay, nay vợ yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Trường V1, sinh ngày 31/7/1998, hiện con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Ông Nguyễn Thanh V có đơn xin vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị Thu T và ông Nguyễn Thanh V là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Bà Phạm Thị Thu T khởi kiện xin ly hôn Nguyễn Thanh V có nơi cư trú ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh V có đơn yêu cầu vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thanh V là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Bà Phạm Thị Thu T và ông Nguyễn Thanh V sống chung vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Nhận thấy tình cảm không còn, bà T xin ly hôn; ông V đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T và ông V sống chung với nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, căn cứ Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông V không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Từ cơ sở trên, nghĩ nên không công nhận bà T với ông V là vợ chồng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2.1] Về quan hệ con chung: Bà T, ông V xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Trường V1, sinh ngày 31/7/1998, hiện con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: bà T, ông V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] Về nợ chung: Bà T, ông V xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị Thu T và ông Nguyễn Thanh V là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Bà T, ông V xác định có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Trường V1, sinh ngày 31/7/1998 đã trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận bà T, ông V xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà T và ông V

vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Bà Phạm Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0013286 ngày 04/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

Nguyễn Công Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Đức

